TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 104/2021/HNGĐ-ST Ngày: 21 - 9 - 2021 V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung, hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Duy.

2. Ông Nguyễn Văn Ấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang: Đoàn Khắc Huy.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung, tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời phiên tòa số 55/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 08/TB-TA ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Nh, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Ấp T N, xã T P, huyện T P Đ, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn H, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Ấp T N, xã T P, huyện T P Đ, tỉnh TG.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hành C.

Địa chỉ: Số 169, Phố L Đ, Phường H L, Quận H M, thành phố H N.

Đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q – Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện GCT, tỉnh T G.

(Chị Nh, ông Qu xin vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lương Thị Nh trình bày:

- Về tình cảm: Hai vợ chồng tiến tới hôn nhân là do mai mối, tổ chức lễ cưới năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T P, huyện TPĐ năm 2004. Hai người sống chung hạnh phúc đến năm cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh H thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình. Nay về tình cảm không còn nên chị Nh xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: 02 cháu tên Lê Quốc Th, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1999 và cháu Lê Thị Quế Ph, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2004. Chị Nhanh yêu cầu được trực tiếp trong nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu P, chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Th đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: nợ Ngân hàng C 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)*. Yêu cầu chia đôi số nợ của Ngân hành C mỗi người trả 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền vốn gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

** Anh Lê Văn H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến.*

** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn Q là đại diện Ngân hàng C trình bày:*

Ngày 16 tháng 7 năm 2011, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện GCT có cho hộ ông Lê Văn H vay số tiền là 8.000.000đ *(tám triệu đồng)*, theo hợp đồng vay số 6000005900037038 ngày 16 tháng 7 năm 2011, lãi suất 0,25%/tháng. Theo hợp đồng tín dụng thì hộ ông Lê Văn H phải trả nợ ngày đầu tiên là ngày 16/12/2016 và trả lãi vào ngày 18/6/2016 nhưng đến nay hộ ông H chỉ thực hiện trả lãi và chưa

trả vốn gốc với số tiền là 8.000.000đ *(tám triệu đồng)*. Lãi tạm tính của hợp đồng này tính đến ngày 19/4/2021 là 20.000đ *(Hai mươi nghìn đồng).*

Ngày 23 tháng 11 năm 2016, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện GCT có cho hộ ông Lê Văn Hợp vay số tiền là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*, theo hợp đồng vay số 600000708996080 ngày 16 tháng 7 năm 2011, lãi suất 0,55%/tháng. Theo hợp đồng tín dụng thì hộ ông Lê Văn H phải trả nợ ngày đầu tiên là ngày 23/11/2017 và trả lãi vào ngày 23/12/2016 nhưng đến nay hộ ông H chỉ thực hiện trả lãi và chưa trả vốn gốc với số tiền là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*. Lãi tạm tính của hợp đồng này tính đến ngày 19/4/2021 là 40.000đ *(Bốn mươi nghìn đồng).*

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TPĐ:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung và yêu cầu giải quyết nợ chung của chị Lương Thị Nh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của của Ngân hàng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, hợp đồng vay tài sản"* cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét bị đơn anh Lê Văn H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh H chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang ngày 05 tháng 7 năm 2004. Hai người tiến đến hôn nhân là do tự

nguyện. Hai người sống chung hạnh phúc đến năm cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn là do bất đồng về quan điểm sống, anh H thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình. Nay về tình cảm không còn nên chị Nh xin ly hôn với anh H. Theo xác nhận của địa phương thì mâu thuẫn giữa chị Nh và anh H là có thật. Nay chị Nh xin được ly hôn với anh H, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh H không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin được ly hôn của chị Nh là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung hai vợ chồng có 02 con chung là: 02 cháu tên Lê Quốc Th, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1999 và cháu Lê Thị Quế Ph, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2004. Chị Nh yêu cầu được trực tiếp trong nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ph, chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Th đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Quế Ph đang sống chung với chị Nh và theo nguyện vọng của cháu Ph cũng muốn sống chung với chị Nh nên để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu cần để chị Nh tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Quế Ph, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2004; cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1999 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị Nh và anh H không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc yêu cầu anh Lê Văn H và chị Lương Thị Nhanh về việc trả số tiền vay: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Ngân hàng C cung cấp cho Tòa án "Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn" ngày 24 tháng 6 năm 2011, 01 số lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ với số tiền vay là 8.000.000đ *(tám triệu đồng)* có chữ ký của anh Lê Văn H; "Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn" ngày 01 tháng 11 năm 2016, 01 số lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ với số tiền vay là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)* có chữ ký của ông Lê Văn H; 01 số vay vốn vốn. Trong suốt quá trình tố tụng chị Lương Thị Nh thừa nhận nợ vốn gốc của Ngân hàng Chính sách là 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)* và nợ lãi theo hợp đồng tính dụng. Anh Lê Văn H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về

việc thụ lý yêu cầu độc lập và các tài liệu chứng cứ do ngân hàng chính sách xã hội cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc chị Lương Thị Nh và anh Lê Văn H nợ Ngân hàng C là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc yêu cầu chị Lương Thị Nhanh và anh Lê Văn Hợp trả số tiền vốn gốc là 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)* và lãi theo hợp đồng tính dụng (lãi tạm tính đến ngày 19/4/2021 là 60.000đ *(sáu mươi nghìn đồng))*.

[6] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị Nh và anh H liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Nh.

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị Nh được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Chị Lương Thị Nh được quyền trực tiếp trong nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Quế Ph, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2004.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nhanh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; chị Nh và các thành viên trong gia đình không được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Buộc chị Lương Thị Nh và anh Lê Văn H liên đới trả cho Ngân hàng C (Phòng giao dịch huyện GCT) số tiền vốn gốc là 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)* và lãi theo hợp đồng tín dụng (lãi tạm tính đến ngày 19/4/2021 là 60.000đ *(sáu mươi nghìn đồng))*.

5. Án phí: Chị Lương Thị Nh phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 49726 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông nên chị Nhanh đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Lương Thị Nh và anh Lê Văn H liên đơi chịu án phí dân sự sơ thẩm là 753.000đ *(bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VNH